

## CUỘC CHIẾN TRANH NGA - NHẬT (1904 - 1905) VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ TỚI QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐẦU THẾ KỶ XX

• ThS. Nguyễn Hoàng Lê Khanh<sup>(\*)</sup>

### Tóm tắt

*Bài viết trình bày về cuộc chiến tranh Nga - Nhật Bản (1904 - 1905) xảy ra giữa hai nước đế quốc đối địch đầy tham vọng trong việc giành quyền kiểm soát Mãn Châu và Triều Tiên. Nơi diễn ra cuộc chiến là Nam Mãn Châu thuộc Trung Quốc, đặc biệt là khu vực xung quanh bán đảo Liêu Đông và Phụng Thiên, và các khu vực biển quanh Triều Tiên, Hoàng Hải và Nhật Bản. Trên cơ sở đó, bài viết đánh giá những tác động của cuộc chiến này đối với Nga, Nhật Bản cũng như tác động của nó đến quan hệ quốc tế đầu thế kỷ XX.*

*Từ khóa: chiến tranh Nga - Nhật, Mãn Châu, Triều Tiên, thế kỷ XX.*

### 1. Đặt vấn đề

Sau nhiều năm tranh chấp với Nga để giành quyền kiểm soát Mãn Châu và Triều Tiên, năm 1904, Nhật Bản đã tấn công hạm đội Nga tại Port Arthur (Lữ Thuận) mà không tuyên bố chính thức cho cuộc chiến tranh, nhằm gây bất ngờ cho Moscow để giành một chiến thắng sớm. Tuy giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh với Nga nhưng do những thiệt hại và chi phí cho cuộc chiến tranh quá nặng nề nên Nhật Bản đề nghị Mỹ làm trung gian hòa giải để hai nước kết thúc chiến tranh. Theo đó, các cuộc đàm phán giữa Nga và Nhật đã diễn ra trong tháng Tám ở Portsmouth, New Hampshire (Mỹ) với vai trò trung gian của Tổng thống Mỹ Theodore Roosevelt. Các thỏa thuận giữa Nga - Nhật cuối cùng đã được ký kết vào tháng 8/1905 với tên gọi là Hiệp ước Portsmouth. Tuy kết thúc nhưng cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905) đã không chỉ để lại những tác động trực tiếp đối với Nhật Bản và Nga mà còn tác động sâu sắc đến quan hệ quốc tế đầu thế kỷ XX, trước hết ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hơn thế nữa, cuộc chiến này còn để lại hậu quả đối với chính sách đối ngoại của Nga, Nhật Bản hiện nay. Vì vậy, việc tìm hiểu nguyên nhân, những diễn biến chính của cuộc chiến này, từ đó đánh giá tác động nó đối với Nga, Nhật Bản là việc làm cần thiết trong bối cảnh quan hệ giữa hai nước hiện nay đang có nhiều diễn biến phức tạp.

### 2. Nguyên nhân, diễn biến Chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905)

Sau Cách mạng Duy Tân (1868 - 1873), công

cuộc cải cách toàn diện của Chính quyền Minh Trị đã đưa Nhật Bản tiến nhanh vào quỹ đạo tư bản chủ nghĩa, những tàn tích của chế độ cũ bị cải tạo triệt để, Nhật Bản trở thành một cường quốc có nền công nghiệp hiện đại. Tuy nhiên, cùng với sự lớn mạnh về kinh tế, nhu cầu mở rộng thị trường, tranh chấp thuộc địa càng trở nên cấp thiết. Do đó, Chính quyền Minh Trị tham vọng trở thành một cường quốc quân sự nhằm chinh phục thuộc địa và tăng sức mạnh tự vệ của mình trước các thế lực đế quốc bên ngoài. Hơn nữa, sự lớn mạnh về quân sự sẽ là cơ sở quan trọng để Nhật Bản tiến tới đàm phán và yêu cầu các cường quốc Âu - Mỹ xóa bỏ các hiệp ước bất bình đẳng mà Nhật Bản đã ký từ cuối thời kỳ Tokugawa (1603 - 1868).

Để thực hiện mục tiêu trên, giới cầm quyền Nhật Bản đã triển khai một chính sách đối ngoại được tính toán cẩn trọng. Hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Nhật thời kỳ này là bán đảo Triều Tiên. Bởi đối với Nhật Bản, Triều Tiên là nước có vị trí chiến lược quan trọng nối liền hải đảo với lục địa, Triều Tiên là cái cầu để cho Nhật từ ngoài hải đảo bước vào lục địa [1, tr. 34]. Triều Tiên có nhiều mỏ sắt, nguyên liệu mà Nhật Bản rất cần cho việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh đó, lúc bấy giờ, Triều Tiên là nước đang chịu ảnh hưởng của Trung Quốc, nhưng Trung Quốc đang bận đối phó với sự mở rộng ảnh hưởng của các nước phương Tây. Vì vậy, “Nhật Bản tiến hành chiến tranh với triều đình Mãn Thanh nhằm tranh giành ảnh hưởng ở Triều Tiên sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Nhật Bản dựa vào đó làm bàn đạp tranh giành quyền lợi với các nước khác trên lãnh thổ Trung Quốc” [4, tr. 50].

<sup>(\*)</sup>Khoa Giáo dục chính trị, thể chất và văn hóa, Trường Trung cấp Luật Đồng Hới.

Ngược với ý nghĩ: “Nhật Bản nhỏ bé sẽ bị đè bẹp bởi một Trung Quốc khổng lồ”, Nhật Bản đã giành thắng lợi trong Chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895). Thất bại, ngày 17/4/1895, Chính phủ Trung Quốc buộc phải ký kết hòa ước với Nhật Bản tại thành phố Shimonoseki, quận Yamaguchi (Nhật Bản) chấp nhận những điều khoản nặng nề. Theo hòa ước này (còn gọi là Hiệp ước Tientsin hay Hiệp ước Mã Quan), Trung Quốc phải bồi thường 200 triệu lạng bạc, cắt nhượng cho Nhật Bản đảo Đài Loan, bán đảo Liêu Đông và quần đảo Bành Hồ, tuyên bố rút bỏ quyền bảo hộ đối với Triều Tiên, có nghĩa là để cho Nhật được tự do xâm chiếm bán đảo này [2, tr. 62].

Việc Nhật Bản chiếm Liêu Đông và Triều Tiên không những trực tiếp uy hiếp đến an ninh lãnh thổ của Trung Quốc mà còn đe dọa cả miền Viễn Đông của Nga. Được sự ủng hộ của Đức và Pháp, Nga gây áp lực buộc Nhật Bản trả lại cho Trung Quốc bán đảo Liêu Đông. Xét thấy sự yếu thế của mình, cùng một lúc không thể đương đầu với các nước phương Tây trong thời điểm này, ngày 23/4/1895, Nhật Bản chấp nhận trả lại bán đảo Liêu Đông cho Trung Quốc và nhận số tiền bồi thường là 30 triệu lạng bạc.

Tháng 12/1897, Nga cử một hạm đội đến cảng Lữ Thuận. Năm 1898, Nga đã ép Mãn Thanh phải nhượng bán đảo Liêu Đông cho mình trong vòng 25 năm. Trước đó, năm 1896, Nga được phép xây dựng đường sắt Mãn Châu, năm 1898 Nga lại yêu cầu thuê hai cảng Đại Liên và Lữ Thuận. Nga ký mật ước với nhà Thanh để chống lại Nhật Bản nên được quyền xây dựng đường xe lửa xuyên Bắc Mãn Châu để nối liền với cảng Vladivostok ở cực Đông và sau khi lấy được bán đảo Liêu Đông làm nhượng địa, Nga đã nối dài đường xe lửa này về phía Nam xuống hải cảng Lữ Thuận và Đại Liên. Điều này đã khiến cho người Nhật hết sức lo ngại.

Trong khi đó, từ cuối thế kỷ XIX, ở Trung Quốc, phong trào đấu tranh của nhân dân chống phong kiến và đế quốc phương Tây xâm lược phát triển mạnh mẽ. Tiêu biểu trong số đó là phong trào Nghĩa Hoà Đoàn. Năm 1900, Nghĩa Hoà Đoàn đã bao vây và tấn công vào các sứ quán, bắt giữ nhiều người phương Tây. Liên minh của 8 nước đế quốc (Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Ý, Nhật, Nga và Áo - Hung) dù đang mâu thuẫn nhau kịch liệt nhưng vẫn cùng

nhau gửi quân đến Trung Quốc để đàn áp phong trào này. Nga và Nhật đều tham dự vào Liên quân và đóng vai trò chủ lực. Người Nga đã điều quân đến Trung Quốc, đặc biệt là Mãn Châu để bảo vệ lợi ích của mình. Nga đảm bảo với các cường quốc khác rằng sẽ rút quân khỏi Trung Quốc sau khi dẹp được loạn Nghĩa Hoà Đoàn. Tuy vậy, năm 1903, sau khi loạn Nghĩa Hoà Đoàn được dẹp, người Nga vẫn chưa đưa ra một kế hoạch rút quân nào và trong thực tế lại còn củng cố thế đứng của mình tại Mãn Châu, bắt Trung Quốc thừa nhận quyền lợi của mình trên vùng đất này.

Trước sự bành trướng thế lực của Nga ở Mãn Châu và Triều Tiên, Nhật Bản cảnh giác cao độ. “Theo quan điểm quốc phòng của Nhật, Mãn Châu và Triều Tiên nằm trên “đường lợi ích” và “đường chủ quyền” của Nhật” [3, tr. 162]. Sau khi bàn bạc, các nhà lãnh đạo Nhật Bản đã quyết định liên kết với Anh để tiến hành chiến tranh với Nga. Với âm mưu dùng Nhật làm công cụ ngăn cản sự lớn mạnh thế lực của Nga tại Viễn Đông, Anh chấp nhận liên minh với Nhật. Theo đó, tháng 1/1902, Hiệp ước đồng minh Nhật - Anh được ký kết.

Về phía Nga, năm 1903, không những không đáp lại yêu cầu rút quân của Nhật Bản, quân đội Nga còn chuyển xuống phía Nam sông Yalu và về phía Bắc Triều Tiên xây dựng nhà cửa và mở một cảng thương mại khiến cho quan hệ Nga - Nhật căng thẳng hơn bao giờ hết. Sau khi cuộc đàm phán giữa hai nước tan vỡ vì không có một giải pháp nào về vấn đề kiểm soát Triều Tiên được hai bên thống nhất, đầu năm 1904, Nhật Bản tuyên bố cắt đứt ngoại giao với Nga đồng thời tích cực chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh mới.

Ngày 8/2/1904, dựa chắc vào sự ủng hộ của Anh, Mỹ, Nhật Bản bất ngờ tấn công Nga ở Lữ Thuận mà không tuyên chiến. Ba ngày sau, ngày 10/2/1904, Nhật Bản chính thức tuyên chiến với Nga về vấn đề kiểm soát Triều Tiên và bán đảo Liêu Đông, Trung Quốc. Chiến tranh Nga - Nhật chính thức bùng nổ. Tại trận hải chiến ở cảng Lữ Thuận, cho đến hết tháng 4/1904, lực lượng Nhật Bản do Đại tướng Kuroki Itei chỉ huy đã sẵn sàng vượt qua sông Áp Lục vào vùng chiếm đóng của Nga tại Mãn Châu. Ngày 1/5/1904, một cánh lực lượng Nhật đã đánh bại quân phòng vệ của Nga ở biên giới Triều Tiên và Mãn Châu, vượt sông Áp Lục và tràn vào

Mãn Châu. Một cánh lục quân khác đổ bộ ở bán đảo Liêu Đông rồi tiến về Lữ Thuận. Trận sông Áp Lục trở thành trận chiến lớn đầu tiên trên đất liền giữa Nhật và Nga. Đến cuối ngày 1/5/1904, quân Nhật đã đẩy lùi quân Nga về phía cảng Lữ Thuận.

Sau đó, từ ngày 25/8 đến ngày 3/9/1904, Oyama Iwao, Tư lệnh lục quân Nhật trong chiến tranh Nhật - Nga và Tổng tham mưu trưởng là Đại tướng Kodama Gentaro đã cho quân tấn công Liêu Dương, nơi Nga tập trung 14 vạn quân. Mặc dầu Nga cuối cùng phải rút quân khỏi Liêu Dương nhưng trong trận này Nhật Bản tổn thất nặng nề (5 ngàn quân chết và 18 ngàn quân bị thương), nhiều hơn mức tổn thất của Nga (16 ngàn quân sĩ chết và bị thương). Trong trận đánh ở Sa Hà tiếp sau đó (từ ngày 5/10 đến 17/10), Nhật cũng phải thiệt mạng khoảng 20 ngàn quân [3, tr. 165].

Vào cùng thời điểm diễn ra các trận đánh ở Liêu Dương, Sa Hà thì một cánh lục quân khác của quân đội Nhật Bản do Đại tướng Nogai Maresuke đã công phá đồn lũy của Nga ở Lữ Thuận. Nhật Bản muốn chiếm Lữ Thuận trước khi viện binh hải quân Nga do hạm đội Ban Tích của Đề đốc Rozhdestvensky đi vòng qua đường châu Phi đến nơi. Trong ba đợt tấn công từ tháng 8/1904 đến tháng 12/1904, số quân sĩ Nhật Bản bị chết và bị thương lên đến 36 ngàn người. Đến tháng 1/1905, sau 240 ngày quân Nga cố thủ, cảng Lữ Thuận đã bị quân Nhật Bản đánh chiếm.

Sau khi Lữ Thuận thất thủ, hạm đội Viễn Đông của Nga cũng bị đánh phá tan tành. Nga lúc bấy giờ chỉ còn trông cậy vào hạm đội Ban Tích do đề đốc Rozhdestvensky chỉ huy để thay đổi thế cờ. Tuy nhiên, hạm đội này đã bị hải quân Nhật tập kích và đánh “tan tác” tại eo biển Tsushima vào ngày 27 tháng 5 năm 1905.

Sau chiến thắng của hải quân Nhật ở Tsushima, tình hình quân sự trên chiến trường đã rõ ràng: nước Nga bại trận. Tuy vậy, cả Nga và Nhật đều kiệt quệ cả về nhân lực và tài lực, đều mong muốn kết thúc chiến tranh bằng thương lượng trên bàn đàm phán.

Sau gần một tháng đàm phán, Hiệp ước Portsmouth giữa Nga và Nhật mới được ký kết với vai trò trung gian của Mỹ. Hiệp ước gồm 15 điều khoản chính và các điều khoản phụ kèm theo (còn gọi là điều khoản không tách rời của hiệp ước). Hiệp

ước này ngay lập tức có hiệu lực. Nội dung hiệp ước quy định: Nga nhượng cho Nhật bán đảo Liêu Đông cùng cảng Lữ Thuận, tuyến đường sắt Nam Mãn Châu (đoạn từ Lữ Thuận đến Thẩm Dương), vùng nam đảo Xakhalin và từ bỏ mọi ý đồ đối với Triều Tiên (có nghĩa là Nhật được tự do biến bán đảo này thành xứ bảo hộ của mình).

Như vậy, vấn đề Triều Tiên và Đông Bắc Trung Quốc trong quan hệ Nga - Nhật vào đầu thế kỷ XX đã được giải quyết bằng cuộc chiến tranh 1904 - 1905. Thắng lợi của Nhật Bản trong cuộc chiến này đã thể hiện rõ xu hướng bành trướng ra bên ngoài của đường lối quân sự - đối ngoại do chính quyền Minh Trị vạch ra. Nhờ đó, Nhật Bản đã bước đầu đạt được những mục tiêu của mình là độc lập, an ninh và bình đẳng với các nước phương Tây.

### **3. Tác động của cuộc Chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905)**

#### **3.1. Đối với Nga và Nhật Bản**

Đối với Nhật Bản, thắng lợi trong cuộc chiến tranh với Nga (1904 - 1905) đã nâng cao vị thế của Nhật Bản và tạo điều kiện để nước này xoá bỏ các hiệp ước bất bình đẳng đã ký với các nước đế quốc trước đó.

Sau cuộc gặp gỡ các quan chức cao cấp hai nước Mỹ và Nhật Bản ngày 27/7/1905 (nhân Hội nghị Hòa bình ở Portsmouth tại Mỹ), hiệp ước bí mật của Tổng thống Mỹ Theodore Roosevelt với Nhật Bản đã được ký kết (29/7/1905) xem như là một “hiệp ước trực tiếp” trong lịch sử quan hệ ngoại giao của Mỹ. Nội dung chính là vấn đề quần đảo Philippines, vấn đề Triều Tiên và việc duy trì nền hòa bình chung tại Viễn Đông. Theo hiệp ước, Nhật Bản đồng ý công nhận quyền kiểm soát của Mỹ đối với quần đảo Philippines, đổi lại Mỹ phải công nhận quyền kiểm soát của Nhật Bản đối với Triều Tiên. Tuy Mỹ không công khai ký Hiệp ước liên minh Mỹ - Nhật, nhưng qua hiệp ước bí mật này cũng thấy được sự ủng hộ của Mỹ đối với Nhật Bản với ý đồ sử dụng Nhật Bản để ngăn chặn tham vọng của Nga ở khu vực Viễn Đông.

Đối với Anh, Nhật đồng ý sửa đổi Hiệp ước liên minh quân sự Anh - Nhật (1902) cho phù hợp với tình hình mới năm 1905 sau thắng lợi của Nhật Bản và nêu rõ mục tiêu của hiệp ước là củng cố và duy trì nền hòa bình an ninh tại vùng Viễn Đông, duy trì các quyền lợi chung của tất cả các bên tham

gia hiệp ước tại Trung Quốc; duy trì các quyền lợi về lãnh thổ của các bên tham gia hiệp ước trong vùng Đông Á, Ấn Độ và để bảo vệ các lợi ích riêng của mỗi bên tại các vùng lãnh thổ.

Mặt khác, thắng lợi của Nhật Bản trong cuộc chiến tranh với Nga còn là động lực hết sức quan trọng để Nhật Bản tiến hành thôn tính Triều Tiên và bành trướng sang các nước khác ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Sau Hiệp ước Nhật Bản - Triều Tiên (17/11/1905), Nhật Bản đã thành công trong việc biến Triều Tiên thành thuộc địa và giúp cho Nhật Bản tiến hành đàm phán, sửa đổi các điều khoản bất bình đẳng, nhằm đạt được quyền tự quyết về thuế. Với hàng loạt các hoạt động ngoại giao tích cực, lần lượt các nước phương Tây đều đồng ý sửa đổi lại hiệp ước với Nhật Bản: Mỹ (2/1911), Anh (4/1911), Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Liên Bang Đức (5 - 6/1911), Pháp (8/1911) [5].

Như vậy, nhờ giành thắng lợi trong Chiến tranh Nga - Nhật, Nhật Bản không chỉ buộc các nước phương Tây phải phục hồi quyền kiểm soát hoàn toàn các biểu thuế quan cho mình (1911) mà còn được nhìn nhận như là một thành viên thực sự bình đẳng như các đế quốc khác trên thế giới. Trên thực tế, Nhật trở thành một “hội viên chính thức” của các đế quốc trên thế giới với phạm vi thế lực ngày càng mở rộng: thêm Đài Loan là thuộc địa mà Nhật giành được sau Chiến tranh Nhật - Thanh, miền Nam Mãn Châu và Triều Tiên là nước bảo hộ của Nhật. Chiến thắng của Nhật Bản trong Chiến tranh Nhật - Nga đã khiến cho hầu hết dân chúng Nhật Bản cảm thấy tự hào bởi họ đã thắng một cường quốc châu Âu vốn làm nhục quốc thể của họ mười năm trước, vào năm 1895 khi Nga dùng sức ép lấy Liêu Đông (Trung Quốc) từ tay Nhật Bản. Nhưng trên thực tế, Nhật Bản cũng đã kiệt sức cả về nhân lực và tài lực. “Khi bắt đầu chiến tranh, Nhật đã huy động khoảng một triệu quân lính, số quân sĩ tử trận lên đến 12 vạn (gấp 8 lần số binh sĩ Nhật tử thương trong chiến tranh Nhật - Thanh), đó là chưa tính số binh sĩ bị thương còn cao gấp mấy lần. Về tài chính, trong số 1,98 tỷ yên là tiền mượn của Anh và Hoa Kỳ” [3, tr. 168]. Sự tổn thất đó đã gây nên những cuộc bạo động, đốt phá tòa soạn của tòa báo thân chính phủ, công thư Bộ nội vụ, ngoại giao, đồn bốt cảnh sát...

Dưới tác động của Chiến tranh Nga - Nhật,

chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản ngày càng phát triển mạnh, cùng với sự tác động mạnh mẽ khi trở thành cường quốc cùng với sự thù địch với phương Tây ngày càng lớn, đã thúc đẩy chủ nghĩa quân phiệt và làm trỗi dậy tham vọng cường quốc của Nhật Bản. Đỉnh cao của tham vọng này là cuộc xâm lược Đông, Đông Nam và Nam châu Á trong Chiến tranh thế giới thứ hai, lập ra một đại đế quốc Nhật Bản trên danh nghĩa là “Khối Thịnh vượng chung Đại Đông Á”. Sau chiến tranh, Nhật Bản đã chính thức sáp nhập Triều Tiên và xâm lược Mãn Châu trong “Sự kiện Phụng Thiên” (1931). Đến thập niên 30 của thế kỷ XX, Nhật Bản trở thành một trong những lò lửa của Chiến tranh thế giới thứ hai.

Đối với Nga, việc thất bại trong chiến tranh, cùng Hiệp ước Portsmouth ký kết với Nhật Bản tại New Hampshire (Mỹ) ngày 23/8/1905 đã khiến cho Nga bị “bề mặt”. Nga buộc phải trao một số quyền lợi đáng kể ở Triều Tiên và Trung Quốc cho Nhật Bản. Theo đó, Tokyo được trao bán đảo Kwantung cùng với cảng Arthur và miền Nam đảo Sakhalin cho tới vĩ tuyến 50. Ngoài ra, sau chiến tranh, Nga mất gần như toàn bộ Hạm đội Viễn Đông và Ban Tích, địa vị chính trị, quân sự và uy tín bị suy giảm đáng kể trên trường quốc tế. Thất bại của Nga là một “cú sốc” đối với phương Tây vì một nước châu Á đã đánh bại một cường quốc châu Âu trong một trận chiến lớn. Tình trạng kiệt quệ về quân sự và kinh tế sau cuộc chiến đã ảnh hưởng đến cả hai quốc gia, nhất là Nga. Sau thảm bại ở Tsushima, Nga chịu tổn thất nặng nề: 5.045 thủy thủ thiệt mạng, 6.016 người bị bắt làm tù binh. Sự bất mãn trong dân chúng Nga sau chiến tranh đã tạo điều kiện thúc đẩy cuộc Cách mạng Dân chủ tư sản ở Nga trong những năm 1905 - 1907, một sự kiện mà Sa hoàng Nikolai II hy vọng sẽ tránh được hoàn toàn trước khi tới bàn thương lượng. Thất bại của Nga trong cuộc chiến tranh này đã đẩy nhanh chế độ Sa hoàng đến tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Và 10 năm sau đó, sự bất mãn của quần chúng đã bùng nổ thành cuộc Cách mạng Tháng Mười năm 1917 vĩ đại, lật đổ chế độ Nga hoàng.

### 3.2. Đối với khu vực và thế giới

Chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905) không chỉ tác động đối với hai nước tham chiến mà còn đối với cả khu vực châu Á và thế giới.

Ở bán đảo Triều Tiên, ngay từ khi bắt đầu cuộc

chiến tranh, để yểm trợ cho chiến trường Mãn Châu, Nhật đã đưa nhiều cố vấn của mình vào chính phủ Triều Tiên và buộc Triều Tiên phải hợp tác trong các hoạt động quân sự của Nhật Bản [3, tr. 171]. Sau khi Hiệp ước Portsmouth được ký kết, Nhật đã thiết lập “Triều Tiên Thống giám phủ” ở Seoul, Ito Hirobumi tự mình nhận chức thống giám đầu tiên. Sau khi tước bỏ quyền ngoại giao của Triều Tiên, Ito đưa ra chính sách quy định người Nhật Bản cũng có thể làm công nhân viên chính phủ như người bản xứ và ra lệnh giải tán quân đội Triều Tiên. Dân chúng Triều Tiên nổi dậy chống đối khắp nơi. Trong chuyến đi Mãn Châu để hội đàm với Nga năm 1909, Ito đã bị ám sát. Vào năm 1910, bất chấp sự phản đối của dân chúng Triều Tiên, Nhật Bản sáp nhập Triều Tiên vào lãnh thổ của mình. “Triều Tiên Thống giám phủ” được đổi thành “Triều Tiên Tổng đốc phủ” và bắt đầu bổ nhiệm Tổng đốc quân nhân. Tổng đốc nắm giữ tất cả các quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp. Người Triều Tiên bị cưỡng bức dùng tiếng Nhật và bị xem như là thần dân của Thiên hoàng Nhật Bản. Chính sách cai trị hà khắc của Nhật Bản ở Triều Tiên kéo dài cho đến năm 1945.

*Đối với Mãn Châu (Trung Quốc)*, năm 1906, Nhật Bản thiết lập “Quan Đông Đô đốc phủ” ở Lữ Thuận để cai quản bán đảo Liêu Đông và đường xe lửa Nam Mãn Châu. Cũng vào năm đó, “Công ty đường xe lửa Nam Mãn Châu” được thành lập, với phân nửa tiền vốn do chính phủ Nhật Bản đầu tư. Ngoài việc kinh doanh đường xe lửa, công ty này còn khai khẩn mỏ than và quản lý nhà máy luyện thép ở Mãn Châu. Cả công ty xe lửa Nam Mãn Châu và vùng phụ cận đường xe lửa trên thực tế trở thành thuộc địa của Nhật [3, tr. 172].

So với chính sách cai trị của Nhật Bản ở Triều Tiên, thì chính sách của Nhật ở Đài Loan thường được đánh giá là tương đối ôn hòa và có nhiều điểm tích cực hơn. Phong trào chống Nhật ở Đài Loan không sâu rộng như ở Triều Tiên. Sau khi đặt Tổng đốc phủ ở Taipei Đài Bắc (1895), chính sách phát triển kinh tế Đài Loan của Nhật Bản đặt trọng tâm vào công trình xây dựng đường xe lửa, hải cảng và mở mang việc trồng trọt lúa, trà, đặc biệt nhất là mía. Sau khi chiến tranh Nhật - Nga kết thúc, chính sách cai trị của Nhật Bản ở Đài Loan trên căn bản đã đi vào quỹ đạo và ổn định.

*Đối với khu vực châu Á*, chiến thắng của Nhật trong chiến tranh Nhật - Nga đã có ảnh hưởng lớn đối với phong trào yêu nước, chống thực dân khắp các nước ở châu Á. “Người dân Á châu, từ Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, cho đến Việt Nam, Phi Luật Tân, Trung Hoa... ai cũng lấy làm phấn chấn, hãnh diện với chiến thắng của Nhật Bản” [3, tr. 173]. Họ xem Nhật Bản đã rửa nhục cho các dân tộc châu Á đang bị cường quốc châu Âu “ức hiếp”. Điều này tác động mạnh mẽ đến các dân tộc châu Á, họ cho rằng Nhật Bản là một nước nhỏ ở châu Á có thể canh tân và trở thành một cường quốc ngang hàng với các cường quốc phương Tây, thì đối với các dân tộc ở châu Á khác nếu cố gắng, sau này nước họ cũng có thể trở thành như vậy. Nhiều nhà cách mạng Ấn Độ, Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam... đã tìm đường sang Nhật Bản, họ hy vọng sẽ được Nhật Bản - một “nước da vàng” - giúp đỡ để đánh bại thực dân “da trắng” thống trị. Nhật Bản trở thành một nơi du học lý tưởng cho thanh niên các nước “đồng văn đồng chủng” như: Trung Quốc, Triều Tiên và Việt Nam. Ở Việt Nam, sau khi cuộc chiến tranh Nga - Nhật kết thúc, những chí sĩ yêu nước đứng đầu là Phan Bội Châu (1867 - 1940) đều rất phấn chấn. Trong hoàn cảnh Việt Nam bị Pháp đô hộ, nhân dân mất hết tự do phải sống trong cảnh làm than; các cuộc đấu tranh chống Pháp nổ ra lần lượt bị thất bại... mẫu hình và con đường của Nhật Bản như là “ánh sáng cuối đường hầm” cho các tầng lớp sĩ phu dựa vào để học tập và noi gương, họ hy vọng tìm ra con đường cứu nước, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, độc lập cho dân tộc. Và hơn thế nữa, họ còn mong muốn sự giúp đỡ của Nhật Bản để đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, thoát khỏi xiềng xích của người da trắng. Tuy nhiên, họ đã không hiểu bản chất chủ nghĩa đế quốc Nhật đang theo đuổi.

Mặc dù vậy, về mặt khách quan, trong hoàn cảnh lịch sử của các dân tộc châu Á (trong đó có Việt Nam) lúc đó, xu hướng thân Nhật và noi gương Nhật Bản vẫn có tác dụng tích cực trong việc “hâm nóng” lại tinh thần ái quốc và thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh chống thực dân phương Tây xâm lược và bẻ gãy tay sai theo một đường hướng mới, đầy lạc quan và hy vọng.

Cuộc chiến tranh Nga - Nhật cũng tác động đến quan hệ của Nhật Bản đối với các nước châu Âu. Sau chiến tranh, các cường quốc châu Âu buộc

phải công nhận đất nước “mặt trời mọc” - Nhật Bản - là một cường quốc hiện đại nhưng cũng chính sự thắng lợi này là mầm mống tạo ra những mâu thuẫn mới. Đó là sự lo ngại của một số nước châu Âu trước sự xuất hiện của một đối thủ mới trong việc tranh giành thuộc địa mà đặc biệt nhất là tranh “miếng mồi” ngon Trung Quốc. Sau cuộc chiến tranh này, đường lối quân sự - đối ngoại của Chính quyền Minh Trị ngày càng thể hiện rõ xu hướng bành trướng ra bên ngoài. Chính điều này đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Anh và Mỹ khi Nhật Bản độc chiếm tuyến xe lửa Nam Mãn Châu và cự tuyệt đề nghị của Mỹ là trung lập hóa tuyến xe lửa này vào năm 1910. Ngoài ra, phong trào bài trừ người Nhật ở Mỹ đã xuất hiện và ngày càng lan rộng nhiều nơi, càng làm cho quan hệ Nhật - Mỹ phát triển theo chiều hướng xấu đi và trở nên căng thẳng. Trong khi đó, Nhật Bản lại tích cực cải thiện quan hệ với Nga sau chiến tranh. Điều ước Nhật - Nga được ký kết ba lần (1907, 1910 và 1911), theo đó hai bên tuyên bố duy trì hiện trạng và tôn trọng quyền độc lập của Trung Quốc nhưng thực chất là nhằm xác nhận quyền lợi đặc biệt của hai nước ở Triều Tiên, Mãn Châu và Mông Cổ (điều ước thứ nhất); xác định phạm vi lợi ích của hai nước để chống lại sự bành trướng của tư bản Anh - Mỹ (điều ước thứ hai); và quy định phạm vi thể lực của hai nước sẽ nói rộng đến biên giới nội

và ngoại Mông Cổ (điều ước thứ ba). Bên cạnh đó, thành công của Nhật Bản ở Viễn Đông và Trung Quốc cũng làm cho mối quan hệ Nhật - Anh ngày càng căng thẳng và có dấu hiệu rạn nứt khi Anh và Mỹ trở thành đồng minh của nhau [3, tr. 174].

#### 4. Kết luận

Tóm lại, chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905) là một trong những cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên, mang đặc trưng của quan hệ quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Chiến thắng của Nhật Bản trong cuộc chiến tranh này đã làm tăng vị thế của Nhật Bản trên trường quốc tế bao nhiêu thì ngược lại làm giảm vị thế của Đế quốc Nga bấy nhiêu. Đối với Nhật Bản, thắng lợi này đã tạo điều kiện cho họ giành được thể chủ động và củng cố vững chắc quan điểm dùng sức mạnh quân sự để khẳng định vị trí cường quốc quân sự của Nhật Bản trong thế giới tư bản vào những năm đầu thế kỷ XX. Từ đó, Nhật Bản không những bảo toàn được chủ quyền lãnh thổ mà còn trở thành một cường quốc tư bản chủ nghĩa và được công nhận như một đế quốc ở châu Á. Còn đối với Nga, không những địa vị chính trị, quân sự và uy tín lúc bấy giờ bị suy giảm đáng kể trên trường quốc tế mà thất bại của Nga trong cuộc chiến này còn đẩy nhanh sự khủng hoảng trầm trọng của chế độ quân chủ chuyên chế Nga hoàng và cuối cùng bị lật đổ vào tháng 2/1917./.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Hào Nguyễn Nguyễn Hóa (1963), *Lịch sử khóa trình: Đế nhị - phần lịch sử thế giới*, NXB Việt Hùng, Sài Gòn.
- [2]. Hoàng Minh Lợi (2002), “Đường lối chính trị đối ngoại và quân sự của chính quyền Minh Trị thời kỳ 1868 - 1912”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, (số 5), tr. 61-65.
- [3]. Vĩnh Sinh (1991), *Nhật Bản cận đại*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4]. Nguyễn Văn Tận (2000), “Nhìn lại chính sách đối ngoại của Nga trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và hệ quả của nó”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, (số 4), tr. 47-50.
- [5]. The Anglo - Japanese Treaty Revision of 1911, sticerd.lse.ac.uk

### THE RUSSIA - JAPAN WAR (1904 - 1905) AND ITS IMPACTS ON THE EARLY 20TH CENTURY INTERNATIONAL RELATIONS

This article is about the Russia - Japan War (1904 - 1905) between two rival imperial countries of ambitions in winning the control of Manchuria and Korea. The battle field was Southern Manchuria of China, especially those areas surrounding the Liaodong Peninsula and Mukden, and the seas around Korea, Japan, and the Yellow Sea. On this basis, the article evaluates the post-war impacts on Russia, Japan and on international relations in the early 20th century.

Keywords: The Russia - Japan War, Manchuria, Korea, 20th century.

Ngày nhận bài: 13/8/2015; Ngày nhận lại: 21/9/2015; Ngày duyệt đăng: 22/2/2016.